

Số: /BC-UBGSTCQG

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - tài chính tháng 01/2018

(Tài liệu phục vụ phiên họp Chính phủ tháng 01/2018)

✓ **Kinh tế - tài chính thế giới**

- *Hoạt động kinh tế toàn cầu tăng trưởng ổn định và giá hàng hóa tiếp tục xu hướng phục hồi. IMF (T1/2018) ước tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2017 tăng khoảng 3,7%, tăng 0,1 điểm% so với dự báo trước đó và cao hơn 0,5 điểm% so với năm 2016. Bên cạnh đó, IMF cũng dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2018 ở mức 3,9%, tăng 0,2 điểm % so với dự báo trước đó.*
- *Giá dầu tăng mạnh trong tháng 1/2018. Tính đến 25/1, giá dầu Brent đã tăng 7% so với cuối năm 2017 và vượt mức 70 USD/thùng;*
- *Hầu hết các đồng tiền chủ chốt tiếp tục tăng giá so với USD. Chỉ số USD Index, tính đến 22/01/2018, đã giảm 2% giá trị so với cuối năm 2017.*

✓ **Kinh tế - tài chính Việt Nam**

- *Tình hình sản xuất tháng đầu năm 2018 tiếp tục chuyển biến tích cực. Hoạt động xuất-nhập khẩu tháng 1/2018 duy trì được xu hướng tăng ấn tượng của năm 2017;*
- *CPI tháng 1/2018 (so với cùng kỳ năm trước) tăng chủ yếu do tăng giá dịch vụ y tế, nhóm giao thông và nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng; Bên cạnh đó, yếu tố mùa vụ cũng góp phần không nhỏ làm CPI tăng trong tháng giáp tết;*
- *Thanh khoản của hệ thống ngân hàng ổn định; Lãi suất liên ngân hàng tăng nhẹ so với cuối năm 2017 song vẫn ở mức thấp so với cùng kỳ năm trước;*
- *Mục tiêu ổn định lãi suất và phấn đấu giảm lãi suất cho vay trong năm 2018 đang nhận được sự hưởng ứng tích cực từ phía các NHTM cũng như hỗ trợ lớn từ các yếu tố vĩ mô;*
- *Thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục tăng trong tháng 1/2018 do dòng tiền từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước tăng mạnh.*

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - TÀI CHÍNH TOÀN CẦU

1. Tình hình kinh tế thế giới năm 2017 và triển vọng năm 2018

1.1. Kinh tế thế giới năm 2017

Kinh tế Mỹ tăng trưởng 2,5% trong năm 2017 nhờ đầu tư tư nhân và nhu cầu bên ngoài tăng mạnh. Đây là mức tăng trưởng mạnh nhất của kinh tế Mỹ trong 2 năm qua, song vẫn chưa đạt mức cam kết (trên 3%) của ông Trump về việc sẽ đưa nền kinh tế này tăng trưởng bền vững thông qua cải cách hệ thống thuế và thúc đẩy thương mại.

Tăng trưởng kinh tế EU ước tăng 2,4% trong năm 2017 (cao hơn 0,7 điểm % so với năm 2016) đạt mức cao nhất kể từ năm 2007 nhờ cầu nội địa gia tăng, hoạt động sản xuất thương mại ổn định được thúc đẩy bởi các chính sách kích thích kinh tế của ECB.

Tăng trưởng Kinh tế Nhật Bản ước đạt 1,7% trong năm 2017 nhờ nội cầu được củng cố và xuất khẩu tăng cao. Tỷ lệ thất nghiệp ở mức thấp nhất trong 22 năm qua (2,7%), song lạm phát dưới 1% khiến BoJ phải tiếp tục duy trì gói kích thích kinh tế.

Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng 6,9% trong năm 2017, vượt mục tiêu đề ra nhờ chính sách tái cân bằng kinh tế và sự phục hồi mạnh của xuất khẩu. Tuy nhiên, nhiều chuyên gia cho rằng nền kinh tế Trung Quốc đang gặp nhiều yếu tố bất lợi do thị trường bất động sản tăng trưởng thấp và chính sách tái cân bằng cán cân thương mại Mỹ - Trung của tổng thống Mỹ Donald Trump.

1.2. Triển vọng năm 2018

Năm 2018, tăng trưởng kinh tế thế giới được IMF (T1/18) dự báo ở mức 3,9%, tăng 0,2 điểm % so với dự báo trước đó do tăng trưởng toàn cầu năm 2017 cao hơn dự kiến và ảnh hưởng của những thay đổi về chính sách thuế của Mỹ trong thời gian gần đây. Các nền kinh tế phát triển dự kiến sẽ đạt mức tăng trưởng tương đương với năm 2017 do các ngân hàng trung ương của nhóm này đang giảm dần các biện pháp kích thích kinh tế và xu thế tăng trưởng đầu tư chậm lại. Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển tăng trưởng cao hơn 0,2 điểm % so với năm 2017 nhờ đà tăng trưởng mạnh của các nước xuất khẩu nguyên liệu. Rủi ro đối với tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2018 vẫn là các chính sách hướng nội, căng thẳng địa chính trị và sự bất ổn chính trị ở một số quốc gia.

Dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới (%)

	2017e	2018f	2019f
Toàn cầu	3,7	3,9	3,9
Các nước phát triển	2,3	2,3	2,2
- Mỹ	2,3	2,7	2,5
- Châu Âu	2,4	2,2	2,0
- Nhật	1,8	1,2	0,9
Các nước MN & ĐPT	4,7	4,9	5,0
- Trung Quốc	6,8	6,6	6,4
- Ấn Độ	6,7	7,4	7,8
- ASEAN -5	5,3	5,3	5,3

Nguồn: IMF - T1/2018

2. Thị trường tài chính toàn cầu

Thị trường chứng khoán toàn cầu tiếp tục tăng trưởng tích cực. Hầu hết các chỉ số chứng khoán lớn toàn cầu đều tăng điểm cao so với cuối năm 2017. Dẫn đầu là thị trường châu Á với mức tăng trung bình trên 7%, tiếp theo là thị trường chứng khoán Mỹ (trên 6%). Việt Nam tiếp tục thuộc top thị trường có mức tăng trưởng cao nhất thế giới (10,5%).

Hầu hết các đồng tiền chủ chốt tiếp tục tăng giá so với USD. Chỉ số USD Index, tính đến 22/01/2018, đã giảm 2% giá trị so với cuối năm 2017. Đồng Bảng Anh có mức tăng mạnh nhất (3,9%) so với USD. Đồng Nhân Dân tệ (NDT) tăng 1,66% so với USD. Đồng tiền của một số nước lớn trong khu vực ASEAN cũng có mức tăng trung bình khoảng 1,75% so với USD.

3. Động thái của các ngân hàng trung ương

NHTW Mỹ - FED nhiều khả năng sẽ tăng lãi suất 3 lần trong năm 2018, với 0,25% cho mỗi lần tăng. Nhiều nhà phân tích còn cho rằng, với kỳ vọng lạm phát có thể vượt mục tiêu 2% trong năm nay, FED thậm chí sẽ phải đẩy mạnh hơn việc thực thi thắt chặt chính sách tiền tệ. Trong khi đó, FED cho rằng chính sách cắt giảm thuế của tổng thống Trump sẽ không đem lại quá nhiều động lực thúc đẩy cho nền kinh tế nước này.

NHTW Anh gặp nhiều khó khăn trong việc thực thi chính sách thắt chặt tiền tệ trong năm 2018. Nhiều chuyên gia tỏ ra hoài nghi về việc lãi suất nước này tiếp tục có thể được điều chỉnh tăng trong bối cảnh lạm phát tăng cao trong khi tăng trưởng kinh tế vẫn ở mức thấp. Brexit và những hậu quả có thể xảy ra tiếp tục đe dọa tính ổn định của hệ thống tài chính cũng như triển vọng phát triển kinh tế nước Anh.

NHTW Châu Âu phát đi tín hiệu sẽ cắt giảm gói nới lỏng định lượng sớm hơn dự kiến. Hiện chương trình mua trái phiếu chính phủ của ECB đã giảm còn một nửa (30 tỷ Euro/tháng) và dự kiến sẽ được tiếp tục đến tháng 9/2018. Mặc dù tăng trưởng kinh tế khu vực có nhiều dấu hiệu khả quan, ECB vẫn tiếp tục cảnh báo về những cú sốc có thể xảy ra đối với hệ thống tài chính Châu Âu do Brexit.

NHTW Nhật Bản (BoJ) vẫn tiếp tục chương trình nới lỏng chính sách tiền tệ, song có điều chỉnh giảm nhẹ lượng trái phiếu cam kết mua vào. BoJ dự báo lạm phát nước này ở mức 1,4% trong năm tới. Đây là lần đầu tiên kể từ năm 2014, BoJ đưa ra báo cáo mới mà không giảm triển vọng lạm phát.

NHTW Trung Quốc điều chỉnh chính sách, cho phép đồng NDT điều chỉnh linh hoạt hơn. Theo đó, PBoC dừng việc sử dụng “điều chỉnh yếu tố mùa vụ” trong việc tính toán tỷ giá trung tâm, cho thấy sự tự tin về khả năng chống chọi với sự mất giá của đồng Nhân dân tệ cũng như nguy cơ ‘tháo chạy vốn’.

4. Giá hàng hóa thế giới

Giá dầu tiếp tục tăng mạnh trong tháng 1 và vượt mức 70 USD/thùng do trữ lượng dầu thô ở Mỹ giảm tuần thứ 10 liên tiếp, OPEC và Nga mở rộng cắt giảm sản lượng cho

đến cuối năm 2018. Trong khi đó, triển vọng lạc quan của tăng trưởng kinh tế thế giới cũng khiến nhu cầu dầu tăng lên. Tính đến 25/1, giá dầu Brent đã tăng lên mức 71,25 USD/thùng, tăng 6,98% so với cuối năm 2017.

Giá hàng hóa, giá năng lượng tiếp tục tăng với mức tăng 2,1% so với tháng trước và tăng 28,28% so với cùng kỳ. Giá hàng hóa phi năng lượng giảm nhẹ (0,5%) so với tháng trước, trong đó, giá kim loại duy trì đà tăng 0,85% so với tháng trước và tăng 30,31% so với cùng kỳ, giá nguyên liệu thô tăng 1,36% so với cùng kỳ. Giá nông sản và lương thực giảm nhẹ, với mức giảm lần lượt là (-0,8% và -0,87%).

Bảng giá hàng hóa thế giới

	Năng lượng		Nông sản		Lương thực		Nguyên liệu thô		Kim loại	
	Tốc độ tăng, giảm %									
	So với tháng trước	So với cùng kỳ	So với tháng trước	So với cùng kỳ	So với tháng trước	So với cùng kỳ	So với tháng trước	So với cùng kỳ	So với tháng trước	So với cùng kỳ
T12/2016	15.15	42.98	-0.67	4.73	-0.21	8.22	2.13	2.01	2.80	30.37
T1/2017	0.73	70.12	2.24	9.49	2.26	11.71	2.45	6.84	1.22	34.71
T2/2017	0.73	68.28	0.11	8.32	-0.11	9.94	2.27	8.15	0.92	33.62
T3/2017	-5.91	37.85	-2.30	3.55	-2.42	5.06	-2.69	3.96	-1.82	23.75
T4/2017	2.76	31.05	-1.46	-0.68	-2.16	-0.11	0.24	0.85	-5.94	14.84
T5/2017	-4.17	13.40	1.36	-2.51	2.42	-2.11	0.12	0.48	-2.43	20.33
T6/2017	-6.07	1.51	-1.68	-6.70	-1.18	-7.08	-3.59	-2.42	-0.69	19.10
T7/2017	3.15	10.07	0.80	7.80	0.76	-3.44	0.50	0.12	5.16	18.74
T8/2017	4.33	12.85	-2.15	-5.05	-3.35	-5.49	0.12	0.50	8.22	27.70
T9/2017	5.38	17.90	1.39	-3.09	1.79	-2.67	1.36	1.99	1.35	31.69
T10/2017	3.36	11.15	-0.68	-2.68	-0.11	-1.94	-2.55	1.52	0.85	30.31
T11/2017	7.63	28.28	0.46	-2.78	0.88	-1.50	-0.25	-0.12	0.12	37.56
T12/2017	2.10	13.74	-0.80	-2.91	-0.87	-2.15	1.88	-0.37	0.72	32.65

Nguồn: The Pinksheet – World Bank

II. KINH TẾ VIỆT NAM

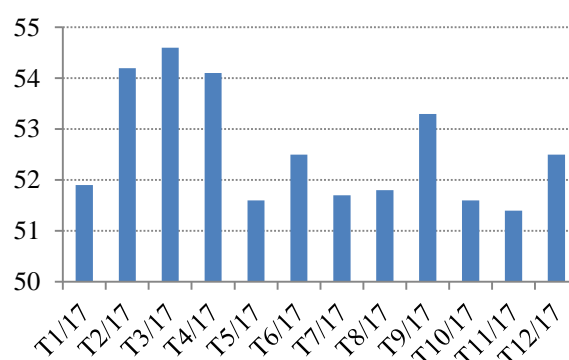
1. Về hoạt động sản xuất của nền kinh tế

- *Tình hình sản xuất những tháng cuối năm 2017 và tháng đầu năm 2018 tiếp tục chuyển biến tích cực. Chỉ số PMI¹ của ngành sản xuất đã có 25 tháng liên tiếp đạt trên 50 điểm cho thấy điều kiện sản xuất đã liên tục được cải thiện. Một số điểm nổi bật của lĩnh vực sản xuất trong thời gian qua là: (i) Sản lượng tăng khi số lượng đơn đặt hàng mới tăng mạnh hơn; (ii) Tốc độ tạo việc làm mới tăng lên; (iii) Mức độ lạc quan về kinh doanh đạt mức cao.*

- *Số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập ghi nhận mức cao kỷ lục, thể hiện niềm tin kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp tăng cao. Theo đó, năm 2017 số lượng doanh nghiệp mới tăng 15,2% về số doanh nghiệp và tăng 45,4% về vốn đăng ký. Xét theo lĩnh vực hoạt động, 3 ngành có số lượng doanh nghiệp thành lập mới cao nhất lần lượt là: ngành bán buôn, bán lẻ (chiếm 35,8%); ngành công nghiệp chế biến chế tạo (chiếm 12,8%); ngành xây dựng (chiếm 12,6%).*

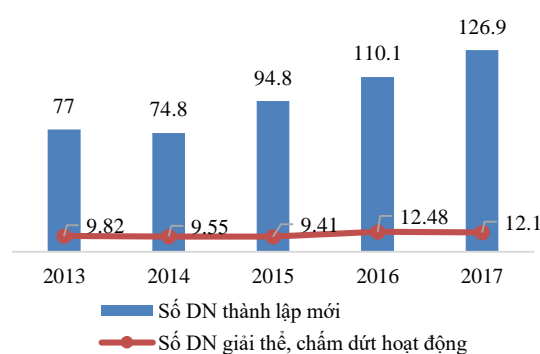
- *Hoạt động xuất - nhập khẩu tháng 1/2018 tiếp tục duy trì được xu hướng tăng trưởng ấn tượng của năm 2017 khi đạt mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ các năm trước. Theo đó, xuất khẩu và nhập khẩu tăng lần lượt 33,1% và 47,7% so với cùng kỳ năm trước, tăng mạnh so với mức 7,6% và 15,8% của tháng 1/2017.*

Chỉ số PMI các tháng năm 2017 (%)



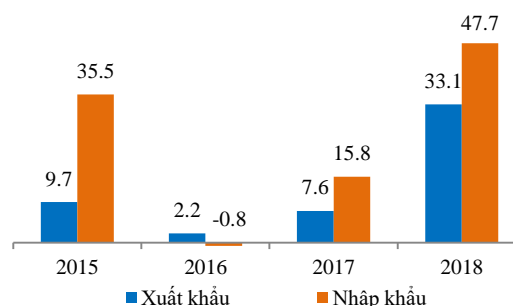
Nguồn: Nikkei, IHS Markit

Số DN thành lập mới và ngừng hoạt động, 2013-2017 (nghìn doanh nghiệp)



Nguồn: TCTK

Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu tháng 1 các năm, (%)



Nguồn: TCTK

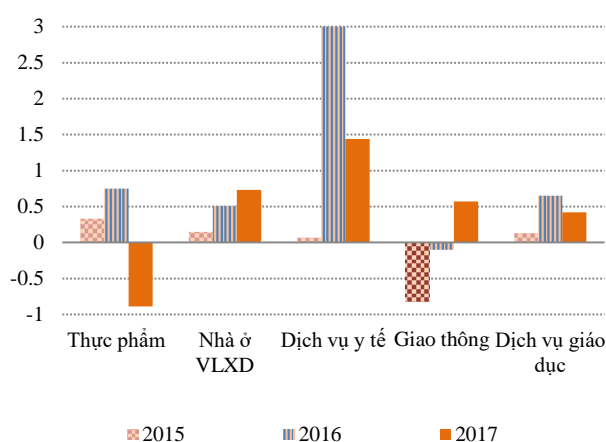
¹ PMI là chỉ số phản ánh sự thay đổi về điều kiện kinh doanh của ngành sản xuất tại Việt Nam do Markit Economics khảo sát và công bố. PMI trên 50 điểm phản ánh sự cải thiện, dưới 50 điểm phản ánh sự suy giảm, và mức 50 điểm phản ánh sự giữ nguyên của các điều kiện kinh doanh của ngành sản xuất.

2. Lạm phát

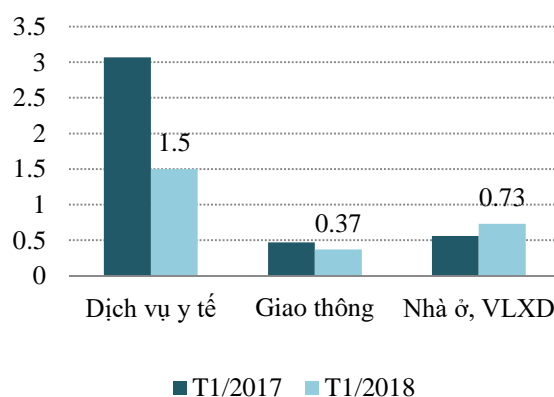
- Chỉ số giá tiêu dùng tháng 1/2018 tăng 0,51% so với tháng trước và tăng 2,65% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 1,18% so cùng kỳ năm trước.

Tiếp tục xu thế của năm 2017, lạm phát tháng đầu năm 2018 so với cùng kỳ năm trước tăng chủ yếu do giá dịch vụ y tế (tăng 38,71%, đóng góp làm CPI tổng thể tăng 1,5 điểm%), nhóm giao thông (giá xăng tăng 3,94% so với cùng kỳ, đóng góp làm CPI tổng thể tăng 0,37 điểm %) và nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng (tăng 4,64%, đóng góp làm CPI tổng thể tăng 0,73 điểm %). Bên cạnh đó, do nhu cầu mua sắm tháng giáp Tết, nhóm lương thực và thực phẩm tăng khá cao, lần lượt 0,47% và 0,56% so với tháng trước.

Đóng góp tăng CPI, 2015-2017, (điểm %)



Đóng góp tăng CPI so cùng kỳ, T1/2017-T1/2018, (điểm %)

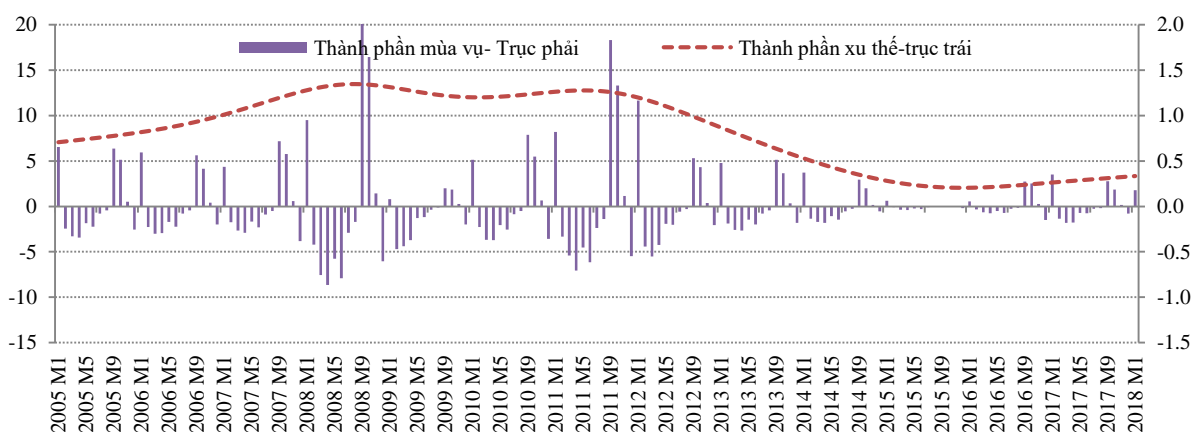


Nguồn: TCTK và tính toán của UBGSTCQG

Nguồn: TCTK và tính toán của UBGSTCQG

- Phân rã các thành phần của lạm phát cho thấy yếu tố mùa vụ đóng góp làm CPI tăng khoảng 0,2 điểm% so với cùng kỳ. Mặt khác, thành phần xu thế của lạm phát có chiều hướng tiếp tục tăng, cao hơn khoảng 0,7 điểm% so với cùng kỳ năm trước, báo hiệu CPI năm 2018 sẽ có xu thế tăng cao hơn so với năm 2017 nếu lộ trình tăng giá dịch vụ công không được kiểm soát chặt chẽ.

Phân rã lạm phát, tháng 01/2005 – 01/2018, % so với cùng kỳ



Nguồn: TCTK và tính toán của UBGSTCQG

- Theo đánh giá của UBGSTCQG, *áp lực lạm phát năm 2018 chủ yếu từ việc điều chỉnh tăng giá dịch vụ công (y tế, giáo dục) và giá thực phẩm*, do giá dịch vụ công năm 2018 tiếp tục được điều chỉnh theo lộ trình tăng giá giai đoạn 2016-2020 (dự báo đóng góp vào lạm phát tổng thể khoảng 2-2,5 điểm%), trong khi giá thực phẩm năm 2018 nhiều khả năng sẽ tăng mạnh hơn do nguồn cung thịt lợn giảm khi ngành chăn nuôi có những điều chỉnh.

3. Tình hình thực hiện ngân sách nhà nước

- Đầu năm 2018, giá dầu thô phục hồi mạnh đã tác động tích cực đến thu NSNN. Với mức tăng thêm 16 USD/thùng so với giá dự toán, thu từ dầu thô đã tăng 162% so cùng kỳ, đạt 3,4% kế hoạch năm (cùng kỳ năm 2017 đạt 1,2%). Các khoản thu khác tương đối ổn định nên tổng thu NSNN lũy kế đến 15/1/2018 ước đạt 19.860 tỷ đồng, bằng 1,5% dự toán, tăng 7,9% so cùng kỳ. Ở chiều ngược lại, việc phân bổ và giao vốn cho các đơn vị sử dụng ngân sách cũng đã được khẩn trương thực hiện. Tổng chi NSNN ước 38.300 tỷ đồng, bằng 2,5% dự toán (cùng kỳ 2017 bằng 2,7%). Với những tín hiệu khả quan trên cùng với kinh tế vĩ mô ổn định, nhiều khả năng thu NSNN trong năm 2018 sẽ vượt kế hoạch đề ra và chi ngân sách sẽ khắc phục được tình trạng giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản và vốn TPCP chậm của hai năm trước.

III. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

I. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ TRONG NƯỚC

1. Hệ thống các tổ chức tín dụng

- *Về tín dụng và huy động của hệ thống tổ chức tín dụng (TCTD):*

- Kết thúc năm 2017, hoạt động của hệ thống TCTD đã nhận được nhiều kết quả tích cực. Dự nợ cho vay khách hàng tăng 19,1%, đây là năm thứ 3 liên tiếp tín dụng tăng khoảng 19%. Cơ cấu tài sản và dự nợ ổn định, các TCTD tích cực xử lý nợ xấu bằng nhiều biện pháp. Vốn huy động tăng chậm hơn năm 2016, tăng 14,6% (năm 2016 tăng 19,3%).

- Trong tháng 1/2018, tăng trưởng tín dụng sẽ chững lại do yếu tố mùa vụ. Tín dụng được kỳ vọng sẽ tăng nhanh bắt đầu từ cuối quý 1/2018. Vốn huy động cũng tăng chậm hơn trong tháng đầu năm 2018 và bắt đầu tăng nhanh từ tháng 2/2018.

- Năm 2018, dự báo hoạt động của hệ thống TCTD vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng và kết quả như năm 2017. Tăng trưởng tín dụng duy trì trong khoảng 17% -18%, và sẽ được điều chỉnh linh hoạt nhằm cân bằng và ổn định các mục tiêu vĩ mô.

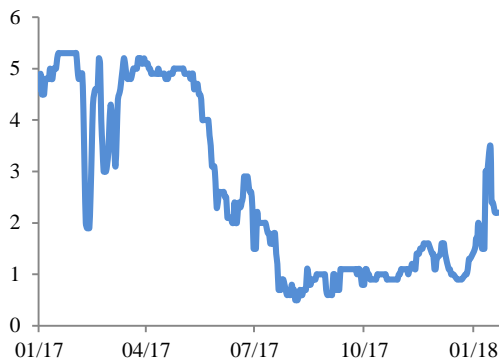
- *Cơ cấu tín dụng giữ xu hướng tăng tỷ trọng tín dụng ngắn hạn, và tập trung vào tín dụng tiêu dùng.* Ngay trong quý 1/2018, dự kiến tín dụng ngắn hạn sẽ tăng nhanh do tín dụng tiêu dùng tiếp tục đà tăng trưởng mạnh mẽ từ năm 2017, và phục vụ nhu cầu dịp Tết nguyên đán.

- Cơ cấu tín dụng theo loại tiền ổn định, tín dụng VND vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu. Dự kiến cả năm 2018, các TCTD kỳ vọng tín dụng VND tăng khoảng 17,71% và tín dụng ngoại tệ tăng 7,39%.

• **Về thanh khoản của hệ thống TCTD:**

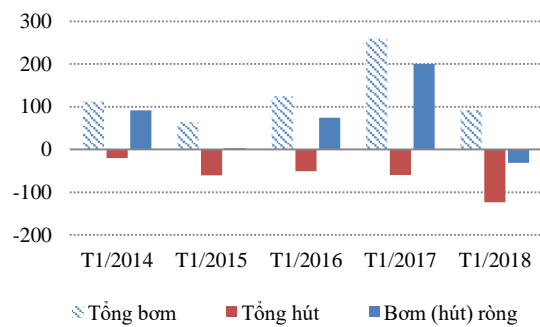
- *Thanh khoản của hệ thống ngân hàng ổn định.* Thanh khoản hệ thống được hỗ trợ từ việc NHNN tiếp tục mua được lượng lớn ngoại tệ, cung ứng ròng khoảng hơn 25 nghìn tỷ đồng². Thanh khoản toàn hệ thống duy trì ổn định mặc dù tỷ lệ tín dụng/huy động tăng từ 85,5% (năm 2016) lên 87,8% (năm 2017).

Lãi suất O/N trên thị trường LNH (%)



Nguồn: HSC

Khối lượng bơm (hút) ròng của NHNN trên OMO năm 2017, (nghìn tỷ đồng)



Nguồn: HSC

• **Về mặt bằng lãi suất:**

- *Lãi suất liên ngân hàng tăng nhẹ trở lại so với cuối năm 2017 song vẫn ở mức thấp so với cùng kỳ năm ngoái.* Tính đến ngày 22/01/2018, lãi suất O/N ở mức 2,2%, lãi suất 1 tuần là 2,1%, lãi suất 1 tháng là 4% (tăng khoảng từ 0,3-1,1 điểm % so với cuối năm 2017) chủ yếu do yếu tố mùa vụ. Song so với cùng kỳ năm 2017, lãi suất liên ngân hàng vẫn giảm từ 1,3 đến 3 điểm %.

- *Lãi suất trên thị trường 1:* Lãi suất huy động bình quân khá ổn định. Lãi suất huy động VNĐ kỳ hạn trên 12 tháng phổ biến ở mức 6,5-7,3%. Về lãi suất cho vay, các NH lớn trong khối NHTM nhà nước đồng loạt giảm lãi suất cho vay với mức 0,5% ở các lĩnh vực ưu tiên, đưa mặt bằng lãi suất cho vay của lĩnh vực này xuống mức tối đa 6%/năm đối với vay ngắn hạn và 7,5%/năm đối với vay trung và dài hạn. Ngoài ra, một vài NHTM cũng giảm lãi suất từ 0,5%-1% cho khối SMEs thuộc lĩnh vực ưu tiên.

Mục tiêu ổn định lãi suất và phân đầu giảm lãi suất cho vay trong năm 2018 đang nhận được sự hưởng ứng tích cực từ phía các NHTM cũng như hỗ trợ lớn từ các yếu tố vĩ mô và điều hành như: (1) Lạm phát được kiểm soát, áp lực từ phía tỷ giá không lớn; (2) NHNN giảm lãi suất cho vay trên thị trường mở từ 5% còn 4,75% và giảm chi phí tiếp cận thông tin tín dụng từ CIC; (3) việc phát hành trái phiếu Chính phủ thuận

² Tính đến ngày 22/1/2018.

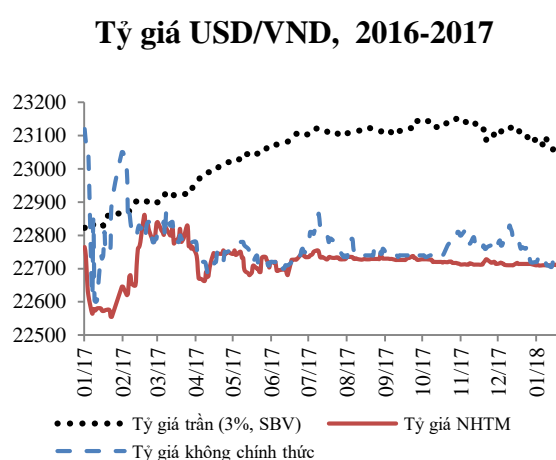
lợi, lợi suất TPCP các kỳ hạn đều giảm; (4) Tiến trình xử lý nợ xấu được đẩy mạnh do cơ chế pháp lý thông thoáng hơn.

- **Về lợi nhuận:**

Kết quả kinh doanh toàn hệ thống TCTD cải thiện mạnh sau nhiều năm khó khăn. Năm 2017, tỷ lệ NIM bình quân đạt 2,9%, tỷ lệ ROA, ROE bình quân lần lượt đạt 0,73% và 11,65% (năm 2016 là 0,56% và 8,05%). Lợi nhuận toàn hệ thống năm 2018 sẽ tiếp tục khả quan nhờ tốc độ tăng trưởng tín dụng ổn định, nợ xấu tiếp tục được xử lý nhanh hơn. Đặc biệt, một số NHTM đã sử dụng dự phòng để đưa nợ xấu ra ngoại bảng sẽ có khoản thu lớn từ việc bán tài sản đảm bảo và thu hồi nợ từ khách hàng.

2. Thị trường ngoại hối

Thị trường ngoại hối tháng 1/2018 không nhiều biến động. Tính đến cuối tháng 01/2018, tỷ giá trung tâm tăng nhẹ 0,06% so với cuối năm 2017. Tỷ giá NHTM tăng khoảng 0,02%, tỷ giá thị trường tự do giữ nguyên. Nguyên nhân chủ yếu khiến tỷ giá tăng nhẹ là do USD mất giá mạnh trên thị trường quốc tế (USD Index giảm 2%).



Nguồn: HSC

Tỷ giá năm 2018 dự báo sẽ tiếp tục được hỗ trợ bởi: (1) Cán cân thương mại có khả năng tiếp tục thặng dư do kinh tế thế giới và thương mại toàn cầu tiếp tục xu thế tăng so với năm trước; (2) Dòng vốn nước ngoài tiếp tục xu hướng chảy vào các khu vực kinh tế mới nổi và đang phát triển để tìm kiếm lợi nhuận cao hơn trong bối cảnh lãi suất thấp tại các nền kinh tế phát triển; (3) Đồng USD được dự báo sẽ tiếp tục mất giá trong năm 2018. Citibank dự đoán USD sẽ mất giá khoảng 5% trong năm 2018.

3. Thị trường chứng khoán

3.1. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục tăng mạnh trong tháng 1/2018. Tính đến ngày 25/1/2018, chỉ số VN Index tăng 12,3% so với cuối năm 2017, đạt 1.104,6 điểm. Dòng tiền vào thị trường chứng khoán từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước tăng mạnh. Giá trị giao dịch cổ phiếu bình quân các phiên giao dịch đầu năm 2018 đạt gần 9.500 tỷ đồng/phiên, tăng 86% so với bình quân năm 2017.

Đấu giá cổ phần IPO doanh nghiệp Nhà nước cho tín hiệu tích cực ngay từ đầu năm 2018. Phiên đấu giá 241,6 triệu cổ phiếu công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) ngày

17/1/2018 đã thu về cho ngân sách Nhà nước hơn 5.566 tỷ đồng với mức giá trung bình quân 23.043 đồng/cổ phiếu, cao hơn mức giá khởi điểm 57,8% (14.600 đồng/cổ phiếu).

3.2. Thị trường trái phiếu

Huy động vốn Trái phiếu Chính phủ đầu năm 2018 đạt kết quả cao. Tháng 1/2018, Kho bạc Nhà nước (KBNN) huy động được 16 nghìn 105 tỷ đồng từ phát hành trái phiếu Chính phủ (TPCP). Tỷ lệ trúng thầu TPCP đạt 97,9%, đạt mức cao nhất so với cùng kỳ 3 năm gần đây (2015: 91,6%, 2016: 50,8%, 2017: 60,6%). Lãi suất phát hành giảm mạnh. So với thời điểm cuối năm 2017, lãi suất TPCP đã giảm từ 0,5%/năm đến 1,25%/năm ở tất cả các kỳ hạn phát hành.

3.3. Dòng vốn nước ngoài

Tính đến 25/1 năm 2018, mua ròng của khối ngoại trên thị trường chứng khoán đạt 386 triệu USD (trong đó 281 triệu USD cổ phiếu và 105 triệu USD trái phiếu). Dòng vốn nước ngoài tiếp tục đổ mạnh vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Nguyên nhân chủ yếu do: (i) thu hút các nhà đầu tư nước ngoài từ việc thoái vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp lớn, có chất lượng cao; (ii) được hỗ trợ bởi các yếu tố toàn cầu như hầu hết các thị trường chứng khoán lớn trong đó có chỉ số Dow Jones của Mỹ đang ở mức cao kỷ lục, giá dầu thô hồi phục mạnh, Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) dự kiến sẽ được ký kết vào tháng 3/2018./.

ỦY BAN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA